

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 25 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay,
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mừng Niê**

2. Ông **Vũ Công Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Anh** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Y Đum Kpă** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay, mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường A, thị xã B, tỉnh Đ. Có mặt

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Ng**.

Địa chỉ: Buôn Kh, xã C, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt

(Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình

bày: Do có quan hệ quan biết với nhau nên vào ngày 17/8/2019, tôi có cho bà Bùi Thị Ng vay với số tiền gốc là 65.000.000 đồng, hẹn 02 tháng sau bà Ng sẽ thanh toán hết, đến thời hạn trả bà Ng hẹn lại và vay thêm số tiền 24.000.000 đồng, tiếp đến ngày 25/11/2019 bà Ng có mua phân bón của tôi số tiền 1.400.000 đồng. Tổng cộng là 90.400.000 đồng. Trong quá trình giải quyết bà Ng không đồng ý và cho rằng khoản tiền 24.000.000 đồng không phải là khoản tiền bà Ng vay mà là tiền lãi của số tiền vay 65.000.000 đồng tính từ ngày vay 25/4/2019 đến ngày 17/8/2019. Sau khi kiểm tra lại chứng cứ liên quan thì tôi thừa nhận bà Bùi Thị Ng có vay của tôi số tiền 65.000.000 đồng vào ngày 25/4/2019 là đúng và khoản tiền 24.000.000 đồng là khoản nợ lãi. Nay tôi thay đổi một phần đơn yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Ng có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và 1.400.000 đồng tiền nợ phân bón và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25/4/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Bị đơn bà Bùi Thị Ng trình bày: Bà Bùi Thị Ng thừa nhận là có vay của bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng vào ngày 25/4/2019, lãi suất hai bên có thỏa thuận nhưng không ghi vào giấy vay. Tiếp đến ngày 25/11/2019 bà Ng có mua phân bón và nợ bà H số tiền 1.400.000 đồng và lãi suất. Về số tiền 24.000.000 đồng mà bà H khởi kiện là không đúng mà đó là khoản lãi từ ngày 25/4/2019 đến ngày 17/8/2019, ngoài ra tôi đã trả được cho bà H tổng số tiền lãi là 19.500.000 đồng.

Nay bà Ng chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và tiền nợ phân bón là 1.400.000 đồng.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần và tiến hành đối chất giữa các đương sự nhưng các bên vẫn không thỏa thuận được các vấn đề liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu: Đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H, buộc bà Bùi Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng, tiền nợ phân bón là 1.400.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Buộc bà Bùi Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H khởi kiện bà Bùi Thị Ng về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua phân bón

quy định tại Điều 430, 463 của Bộ luật dân sự nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, mua bán và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bùi Thị Ng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238 của BLTT dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

Về khoản nợ gốc: Các bên đều thừa nhận vào ngày 25/4/2019 bà Bùi Thị Ng có vay của bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng (vào ngày 25/7/2019), tiếp đến ngày 25/11/2019, bà Ng có nợ tiền mua phân bón với số tiền 1.400.000 đồng, hẹn đến chiều thứ 3 trả đủ. Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng bà Bùi Thị Ng vẫn chưa trả được cho bà Phạm Thị Thu H do đó việc vay tiền và nợ tiền mua phân bón của bà Bùi Thị Ng với bà Phạm Thị Thu H là có thật, là chứng cứ không cần phải chứng minh. Về số tiền 24.000.000 đồng bà Phạm Thị Thu H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Như vậy, cần buộc bà Bùi Thị Ng có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng (nợ tiền vay) và 1.400.000 đồng (tiền nợ phân bón), tổng cộng là 66.400.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*) là có căn cứ.

Về yêu cầu lãi: Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định của pháp luật là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Về khoản tiền vay 65.000.000 đồng: Các bên đều thừa nhận khoản vay có lãi, có kỳ hạn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019 /NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: Do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Cụ thể:

Nợ lãi trong hạn: $65.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ tháng (ngày 25/4/2019 đến ngày 25/7/2019)} = 1.625.000 \text{ đồng}.$

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: $1.625.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 13 \text{ tháng (lấy tròn)} = 176.000 \text{ đồng (làm tròn)};$

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 65.000.000 đồng x 150% x 10%/năm x 13 tháng = 10.562.500 đồng.

- Về nợ lãi tiền phân bón: Nợ lãi chậm trả là 1.400.000 đồng x 10%/năm x 08 tháng (làm tròn) = 93.000 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ lãi là: 1.625.000 đồng + 176.000 đồng + 10.562.500 đồng + 93.000 đồng = 12.456.500 đồng (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Đối với lời khai nại của bà Bùi Thị Ng cho rằng đã trả cho bà Phạm Thị Thu H được 19.500.000 đồng tiền lãi, tuy nhiên Tòa án đã yêu cầu bà Bùi Thị Ng có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh về bà Ng đã trả được cho bà H số tiền 19.500.000 đồng nhưng bà Ng không cung cấp được, do đó HĐXX không xem xét.

[3]. Từ những nhận định và chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H buộc bà Bùi Thị Ng có nghĩa vụ phải trả cho Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là 66.400.0000 đồng và tiền nợ lãi là 12.456.500 đồng, tổng cộng là 78.856.500 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Bùi Thị Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.942.825 đồng nhưng do bà Bùi Thị Ng thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự cho bà Bùi Thị Ng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 430, 440, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019 /NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H.

1. Buộc bà Bùi Thị Ng có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc là **66.400.0000** đồng và tiền nợ lãi là **12.456.500** đồng, tổng cộng là **78.856.500** đồng (*Bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Bùi Thị Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.942.825 đồng nhưng do bà Bùi Thị Ng thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự cho bà Bùi Thị Ng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thu H số tiền 2.225.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014482 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Văn Chinh